

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 15-5-2018

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quan Nam;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Thanh Hùng;
2. Ông Nguyễn Văn Lực.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Lê Phú Quý là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương là Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở của Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 392/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2017, về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11A/2018/QĐST-HNGĐ ngày 27/4/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1987; địa chỉ: Số 547, ấp A, xã D, huyện V, tỉnh Đồng Tháp; (Có mặt tại phiên tòa).

- Bị đơn: Anh Trương Văn T, sinh năm 1986; địa chỉ: Số 180, ấp A, xã D, huyện V, tỉnh Đồng Tháp; (Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/12/2017, bản trình bày ý kiến ngày 27/4/2017, và trong quá trình xét xử nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc B trình bày:

Chị B và anh T tự nguyện cưới nhau vào năm 2005, đăng ký kết hôn vào ngày 11/4/2012 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện V, tỉnh Đồng Tháp theo giấy

chứng nhận kết hôn số 59. Sau khi kết hôn, Chị B và anh T chung sống hạnh phúc đến tháng 6/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T không lo làm ăn, thường xuyên ăn chơi bỏ mặc vợ con không lo lắng gia đình, thường xuyên nhậu và cờ bạc. Nhiều lần Chị B khuyên ngăn, nhưng anh T không sửa đổi, nên vợ chồng đã thật sự xa nhau từ tháng 6/2017 đến nay. Từ lúc xa nhau đến nay Chị B và anh T không đến thăm hỏi nhau, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên Chị B yêu cầu được ly hôn với anh T. Về con chung: Chị B và anh T có 02 con chung tên Trương Trung V, sinh ngày 26/11/2006 và Trương Văn T1, sinh ngày 15/3/2012 hiện do Chị B trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, Chị B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trương Trung V, sinh ngày 26/11/2006 và Trương Văn T1, sinh ngày 15/3/2012, **không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.**

- Bị đơn Trương Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại các phiên hòa giải và các phiên họp, cũng như không có bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc B.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

+ Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán chấp hành đúng quy định của pháp luật.

+ Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

+ Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ngọc B và anh Trương Văn T. Giao con chung tên Trương Trung V, sinh ngày 26/11/2006 và Trương Văn T1, sinh ngày 15/3/2012 cho chị Nguyễn Thị Ngọc B trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc chị Nguyễn Thị Ngọc B xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Trương Văn T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa Chị B và anh T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do anh T có địa chỉ cư trú tại số 180, ấp A, xã D, huyện V, tỉnh Đồng Tháp, nên Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Tháp thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Trương Văn T đã được triệu tập hợp lệ hai lần để tham gia phiên tòa nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Trương Văn T.

[3] Về hôn nhân:

Việc chị Nguyễn Thị Ngọc B và anh Trương Văn T đăng ký kết hôn vào ngày 11/4/2012 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện V, tỉnh Đồng Tháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 59, đã tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, nên được Tòa án công nhận là vợ chồng hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, lẽ ra Chị B và anh T phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, sau vài năm chung sống, Chị B và anh T đã không làm được điều đó, anh T không lo làm ăn, thường xuyên ăn chơi không lo lắng gì cho vợ con. Hành động và việc làm của anh T đã vi phạm tình nghĩa vợ chồng quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, dẫn đến Chị B không còn chung sống với anh T từ tháng 6/2017 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Chị B yêu cầu được ly hôn anh T. Đối với anh T thì sau khi Tòa án thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và thông báo, triệu tập về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh T, nhưng anh T không đến dự phiên họp và cũng không có văn bản trình bày cho Tòa án biết ý kiến của anh T về yêu cầu của Chị B, hiện tại Chị B và anh T vẫn sống ly thân với nhau.

Xét thấy hôn nhân giữa Chị B và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu kéo dài sẽ không mang lại hạnh phúc cho nhau, nên yêu cầu xin ly hôn của Chị B là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên được chấp nhận và quyết định cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ngọc B với anh Trương Văn T.

[4] Về nuôi con chung: Chị B và anh T có 02 con chung tên Trương Trung V, sinh ngày 26/11/2006 và Trương Văn T1, sinh ngày 15/3/2012 hiện do Chị B trực tiếp nuôi dưỡng. Nay Chị B yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Vĩnh và Thành, Chị B không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, khi Chị B và anh T xa nhau từ tháng 6/2017 đến nay, thì Chị B là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trương Trung V và Trương Văn T1, Chị B vẫn chăm sóc chu đáo, cháu Trương Trung V và Trương Văn T1 vẫn phát triển bình thường về thể chất và tinh thần như bao đứa trẻ khác, đã thắt chặt tình cảm mẹ con với nhau, đồng thời cháu Trần Trung Vĩnh có nguyện vọng sống với Chị B sau khi Chị B và anh T ly hôn, vì vậy yêu cầu được trực tiếp nuôi con của Chị B là phù hợp, nên việc tiếp tục giao con chung tên Trương Trung V và Trương Văn T1 cho Chị B trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình;

Do Chị B không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, Chị B cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, được quy định tại Điều 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về chia tài sản: Chị B không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị B không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ngọc B và anh Trương Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Trương Trung V, sinh ngày 26/11/2006 và Trương Văn T1, sinh ngày 15/3/2012 cho chị Nguyễn Thị Ngọc B trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị Ngọc B không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị Ngọc B cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Trương Văn T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về chia tài sản: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc B phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí Chị B đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 02140 ngày 18/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V.

6. Chị Nguyễn Thị Ngọc B có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Trương Văn T vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án này hoặc bản án này được tổng đạt theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện V;
- CC THADS huyện V;
- UBND xã D;
- Đ/s: Bích, Trâm;
- Lưu: HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Quan Nam